BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 976 /QĐ-BKHCN	*Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Điều tra Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp năm 2022

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thống kê;

Căn cứ Nghị định 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Quyết định số 293/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định các cuộc điều tra thống kê khoa học và công nghệ ngoài Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiến hành Điều tra Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp năm 2022 theo Phương án được ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Điều tra Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp năm 2022 theo đúng kế hoạch, nội dung và phương án được phê duyệt. Kinh phí thực hiện Điều tra Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp năm 2022 được lấy từ kinh phí thực hiện nhiệm vụ thống kê khoa học và công nghệ năm 2022 đã được Bộ Khoa học và Công nghệ giao cho Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tổng cục Thống kê;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, TTKHCN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Lê Xuân Định

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN
Điều tra Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp năm 2022

(Kèm theo Quyết định số 976 /QĐ-BKHCN ngày 10 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Điều tra Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp năm 2022)

1. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA

1.1. Mục đích điều tra

Điều tra Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp năm 2022 (theo phương pháp luận của OECD - Oslo Manual 2018) thu thập thông tin thống kê phục vụ tổng hợp, biên soạn chỉ tiêu thống kê trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ nhằm mục đích đánh giá, xây dựng chiến lược, chính sách, kế hoạch khoa học và công nghệ, so sánh quốc tế các chỉ tiêu thống kê về đổi mới sáng tạo và cập nhật cơ sở dữ liệu về đổi mới sáng tạo của Việt Nam.

1.2. Yêu cầu điều tra

Cuộc điều tra hiện theo đúng quy định của Phương án điều tra, bảo đảm thông tin đầy đủ, trung thực, chính xác kịp thời, không trùng lặp, bỏ sót thông tin quy định trong Phương án điều tra và các thông tin thu thập được bảo mật theo quy định của Luật Thống kê.

2. ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ VÀ PHẠM VI ĐIỀU TRA

2.1. Đối tượng và đơn vị điều tra

Đối tượng và đơn vị điều tra: bao gồm các doanh nghiệp hạch toán độc lập được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, có hoạt động sản xuất kinh doanh trước ngày 01/01/2021 trong các ngành: nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp chế biến, chế tạo.

2.2. Phạm vi điều tra

Cuộc điều tra thu thập thông tin của 2.000 doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ trở lên trên pham vi toàn quốc, hoạt động trong các ngành: nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp chế biến, chế tạo (trong Hệ thống ngành

kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ).

Doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ theo quy định của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa như sau:

"Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực công nghiệp có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người…

Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực công nghiệp có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người…

Doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực công nghiệp có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không trên 200 người và tổng doanh thu của năm trên 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn trên 100 tỷ đồng".

3. THỜI ĐIỂM, THỜI KỲ VÀ THỜI GIAN ĐIỀU TRA

3.1. Thời điểm, thời kỳ điều tra

a) Thời điểm bắt đầu điều tra là ngày 01/7/2022. Những chỉ tiêu thu thập theo thời điểm được lấy thông tin theo số thực tế có đến 31/12/2021.

b) Thời kỳ điều tra: những chỉ tiêu thu thập theo thời kỳ được lấy thông tin trong vòng 1 năm, từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021.

3.2. Thời gian điều tra

Thời gian thu thập thông tin là 62 ngày kể từ ngày 01/7/2022.

4. NỘI DUNG ĐIỀU TRA, PHIẾU ĐIỀU TRA

4.1. Nội dung điều tra

Nội dung điều tra tập trung phục vụ các chỉ tiêu được quy định tại Thông tư số 03/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ và phân công thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê quốc gia về khoa học và công nghệ:

- Chỉ tiêu 0601: tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện đổi mới sáng tạo;
- Chỉ tiêu 0602: chi cho đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp;
- Chỉ tiêu 0604: số doanh nghiệp có Quỹ phát triển khoa học và công nghệ;

- Chỉ tiêu 0605: số doanh nghiệp có bộ phận nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

a. Nhóm thông tin nhận dạng đơn vị điều tra

- Tên doanh nghiệp;
- Mã số thuế của doanh nghiệp;
- Năm thành lập;
- Địa chỉ doanh nghiệp;
- Cơ cấu vốn điều lệ của doanh nghiệp;
- Ngành hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Những thông tin khác.

b. Nhóm thông tin về nguồn nhân lực (lao động) của doanh nghiệp

- Số lao động;
- Lao động phân theo trình độ học vấn.

c. Nhóm thông tin về sản xuất kinh doanh

- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ;
- Doanh thu các sản phẩm xuất khẩu;
- Tổng giá trị máy móc, thiết bị;
- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ;
- Bộ phận nghiên cứu và phát triển.

d. Nhóm thông tin về đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp

- Hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp;
- Tình hình thực hiện các hoạt động đổi mới sáng tạo;
- Các yếu tố tác động tích cực đến hoạt động đổi mới sáng tạo;
- Nhà nước hỗ trợ đổi mới sáng tạo;
- Vốn cho đổi mới sáng tạo;
- Hợp tác đổi mới sáng tạo;
- Nguồn thông tin cho đổi mới sáng tạo;
- Thực hiện quyền sở hữu công nghiệp;
- Các yếu tố cản trở đổi mới sáng tạo.

4.2. Phiếu điều tra

Cuộc điều tra sử dụng 01 loại phiếu điều tra "Phiếu ĐTĐMST-DN: phiếu thu thập thông tin đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp năm 2022".

5. PHÂN LOẠI, DANH MỤC ÁP DỤNG CHO CUỘC ĐIỀU TRA

Cuộc Điều tra Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp ở Việt Nam sử dụng các bảng danh mục sau:

a) Phân ngành kinh tế theo Bảng Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam 2018 ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ;

b) Phân loại sản phẩm công nghiệp theo Danh mục sản phẩm công nghiệp được phát triển trên cơ sở Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ;

c) Bảng phân loại Lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

d) Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và được cập nhật đến thời điểm điều tra".

6. LOẠI ĐIỀU TRA, PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN

6.1. Loại điều tra

Là cuộc điều tra chọn mẫu các doanh nghiệp thuộc các ngành: nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp chế biến, chế tạo có quy mô vừa và nhỏ trở lên trên phạm vi cả nước (không điều tra các doanh nghiệp siêu nhỏ).

Bước 1: Lập danh sách đơn vị điều tra

Danh sách các đơn vị điều tra được lập từ cuộc Điều tra đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp năm 2019, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác.

Bước 2: Chọn đơn vị điều tra

Mẫu điều tra được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên rải đều theo quy mô lao động, đại diện cho toàn quốc và ngành kinh tế cấp 2 thuộc các ngành: nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp chế biến, chế tạo.

Dàn chọn mẫu là danh sách các doanh nghiệp thực tế đang hoạt động có đến thời điểm 31/12/2021 thuộc các loại hình doanh nghiệp hoạt động trong các ngành: nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp chế biến, chế tạo.

Tổng số doanh nghiệp chọn mẫu là 2.000 doanh nghiệp.

Bước 3: Phân bổ mẫu và tiến hành chọn mẫu:

(i) Phân bổ mẫu:

Căn cứ tổng số doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ luôn có (gọi là N) và số doanh nghiệp của từng ngành cấp 2 thứ i (gọi là N_i), tiến hành phân bổ mẫu (gọi là n) cho từng ngành thứ i theo cách phân bổ mẫu tỷ lệ với căn bậc hai quy mô tổng thể qua công thức:

$$n_i = \frac{n \times \sqrt{N_i}}{\sum \sqrt{N_i}}$$

Trong đó $N = \sum N_i$ và $n = \sum n_i$

(ii) Tiến hành chọn mẫu:

- Mỗi ngành cấp 2 lập một danh sách các doanh nghiệp theo thứ tự độ dốc giảm dần về lao động.

- Chia số doanh nghiệp mỗi ngành N_i cho n_i tổ (n_i mẫu) sẽ được K_i đơn vị trong một tổ ($K_i = \frac{N_i}{n_i}$)

- Chọn mẫu ngẫu nhiên một doanh nghiệp ở tổ thứ nhất, được doanh nghiệp thứ j, sau đó tiếp tục chọn ở tổ thứ 2, thứ 3, … để được các doanh nghiệp thứ j+k, j + 2k… và cứ như vậy chọn sẽ chọn được đến doanh nghiệp ở tổ cuối cùng và sẽ được n^i doanh nghiệp cần chọn. Khi chọn mẫu gặp vào đơn vị bị mất thì tiến hành chọn đơn vị thay thế theo nguyên tắc chọn doanh nghiệp liền kề doanh nghiệp bị mất (cùng ngành cấp 2) và có quy mô lao động tương đương.

- Sau khi chọn xong, mỗi ngành lập một danh sách mới (danh sách các doanh nghiệp được chọn vào mẫu) có số lao động, địa chỉ liên lạc và số điện thoại kèm theo để phục vụ cho yêu cầu điều tra.

6.2. Phương pháp thu thập thông tin

Thu thập thông tin theo hai phương pháp: gián tiếp và trực tiếp để thu thập thông tin tại các đơn vị điều tra.

Phương pháp trực tiếp: điều tra viên trực tiếp đến các đơn vị điều tra gặp cán bộ được phân công của các các đơn vị giới thiệu mục đích, ý nghĩa, nội dung và cùng với cán bộ của đơn vị thu thập, tính toán số liệu để ghi vào phiếu điều tra. Phương pháp này được áp dụng với đa số đơn vị điều tra.

Phương pháp gián tiếp: tổ chức hội nghị tập huấn giới thiệu mục đích, ý nghĩa, nội dung cách ghi phiếu và yêu cầu đơn vị điều tra gửi phiếu điều tra về cơ quan điều tra theo đúng nội dung và thời gian quy định của Phương án điều tra. Phương pháp này áp dụng khi điều tra viên khó tiếp cận với đơn vị điều tra.

Điều tra viên được tuyển chọn là cán bộ điều tra có kinh nghiệm trong lĩnh vực điều tra thống kê.

7. PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ THÔNG TIN, TỔNG HỢP VÀ BIỂU ĐẦU RA CỦA ĐIỀU TRA

7.1. Phương pháp xử lý thông tin

Mã số của các đơn vị được ghi thủ công theo khu vực thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo.

Phương pháp nhập tin: cuộc điều tra được xử lý tổng hợp tập trung bằng máy tính, nhập tin bằng bàn phím trên phần mềm do Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia phát triển.

Quy trình và cách thức tổng hợp dữ liệu:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia tổ chức, chỉ đạo, triển khai điều tra và xử lý toàn bộ số liệu điều tra đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp năm 2022. Dữ liệu sẽ được tổng hợp tự động theo các biểu đầu ra bằng phần mềm.

7.2. Biểu đầu ra

Các biểu tổng hợp kết quả điều tra được thể hiện trong phần phụ lục.

8. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH

8.1. Thời gian thực hiện các công việc chuẩn bị tiến hành điều tra

Tháng 2-4/2022: xây dựng phương án, mẫu phiếu điều tra.

Tháng 4-5/2022: gửi thẩm định đến Tổng cục Thống kê.

Tháng 5-6/2022: tiếp thu, hoàn thiện phương án và trình Lãnh đạo Bộ ký Quyết định phê duyệt Phương án điều tra.

Tháng 6/2022: lập danh sách đơn vị điều tra.

Tháng 7-8/2022: điều tra, thu thập thông tin.

Tháng 9-11/2022: Nhập tin phiếu điều tra; xử lý, tổng hợp kết quả điều tra, biên soạn kết quả điều tra; viết báo cáo tổng hợp, phân tích kết quả điều tra.

8.2. Hoạt động tuyên truyền

a) Hoạt động tuyên truyền cần tập trung làm rõ mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung chính và kế hoạch thực hiện Điều tra Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp năm 2022 đến các cấp, các ngành và cộng đồng khoa học. Huy động tối đa các hình thức tuyên truyền như: các phương tiên thông tin đại chúng (báo viết, báo điện tử, bản tin, website) thực hiện tuyên truyền sâu rộng để các đơn vị thuộc đối tượng điều tra tích cực hưởng ứng cuộc Điều tra.

b) Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia chuẩn bị điều kiện vật chất cần thiết (làm website về các nội dung cơ bản cuộc Điều tra, trong đó có mục hỏi/đáp về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thực hiện thu thập thông tin, cách trả lời phiếu điều tra) cung cấp cho Tổ công tác để tuyên truyền, phổ biến về cuộc Điều tra Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp năm 2022.

8.3. Triển khai thu thập số liệu

Thu thập số liệu được bắt đầu từ ngày 01/7/2022.

Cần thông báo trước cho các đơn vị được điều tra và các đối tượng điều tra viên cần gặp về ngày, giờ điều tra viên đến điều tra.

Trong quá trình thu thập thông tin, nếu chưa rõ, điều tra viên cần gợi ý để đơn vị kiểm tra và cung cấp hoặc giải thích để hoàn thiện phiếu điều tra. Điều tra viên chỉ ghi vào phiếu những thông tin trung thực và đã được kiểm tra. Điều tra viên tuyệt đối không được tự ý ghi chép vào phiếu những thông tin giả tạo, sai sự thật dưới mọi hình thức.

8.4. Xử lý tổng hợp và công bố kết quả điều tra

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia tổ chức, chỉ đạo và triển khai công tác xử lý toàn bộ số liệu Điều tra Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp. Dữ liệu sẽ được xử lý và tổng hợp theo các biểu đầu ra bằng phần mềm.

Mọi thông tin về kết quả Điều tra do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố theo quy định của pháp luật.

Kết quả chính thức công bố vào cuối năm 2022.

9. TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO VÀ THỰC HIỆN

9.1 Thành lập Tổ công tác triển khai Điều tra Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ công tác triển khai Điều tra Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp năm 2022. Tổ công tác do một Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ là Tổ trưởng, Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia làm Phó tổ trưởng thường trực, các thành viên là Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên, Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật, Vụ Phát triển khoa học và công nghệ địa phương, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, Vụ Công nghệ cao (Bộ Khoa học và Công nghệ) và Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường (Tổng cục Thống kê).

Tổ công tác có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng phương án, chỉ đạo triển khai thực hiện Cuộc điều tra.

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện thực hiện Điều tra Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp năm 2022 theo đúng kế hoạch, nội dung và phương án quy định. Địa chỉ liên lạc:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia

24 Lý Thường Kiệt, Hà nội

Tel: 024-38256143, Fax: 024-39349127

Email: vtthuy@vista.gov.vn

9.2. Công tác giám sát, kiểm tra

Nhằm bảo đảm chất lượng của Cuộc điều tra, Tổ công tác có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc giám sát, kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất trong suốt thời gian từ khâu lập bảng kê, tập huấn đến thu thập, tổng hợp nhanh số liệu điều tra tại các địa bàn.

Nội dung giám sát, kiểm tra gồm: giám sát, kiểm tra việc lập bảng kê các đơn vị điều tra, tham gia các lớp tập huấn, số lượng và chất lượng phiếu, cách hỏi và ghi phiếu của từng điều tra viên, tính logic giữa các cột, dòng, các chỉ tiêu, quan hệ giữa các biểu, kiểm tra số học, đơn vị tính, đánh mã, các thủ tục hành chính, kiểm tra thực địa tại địa bàn...

Hình thức giám sát, kiểm tra, thanh tra: kiểm tra chéo, cấp trên giám sát, kiểm tra, thanh tra cấp dưới, kiểm tra thường xuyên và kiểm tra đột xuất, kiểm

tra trọng điểm, tổng kiểm tra trước khi nghiệm thu. Tổ công tác kiểm tra điển hình việc tổ chức và thực hiện điều tra tại các ngành, địa phương để phát hiện và giải quyết tại chỗ, kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình điều tra.

Nhằm bảo đảm chất lượng của thông tin thu thập tại địa bàn trước khi nghiệm thu, bàn giao, điều tra viên phải đặc biệt lưu ý đến trách nhiệm kiểm tra tất cả các phiếu điều tra cả về nội dung, phương pháp tính, tính logic, kiểm tra số học, các quy định hành chính bắt buộc (chữ ký, dấu).

Tổ công tác giao Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thực hiện phúc tra theo đúng quy trình phúc tra nhằm phát hiện những sai sót trong quá trình thu thập thông tin, đánh giá chất lượng điều tra và công bố độ tin cậy số liệu cho người sử dụng thông tin.

9.3. Tổ chức nghiệm thu phiếu

Tổ công tác trực tiếp nghiệm thu phiếu điều tra và dữ liệu nhập từ phiếu điều tra, dữ liệu các bảng tổng hợp. Thời gian nghiệm thu từ ngày 15 đến 31/8/2022.

Nội dung nghiệm thu bao gồm: số lượng phiếu đã điều tra theo từng loại phiếu, chất lượng số liệu và chất lượng phiếu; dữ liệu nhập vào máy tính theo số phiếu đã được xử lý; dữ liệu về các bảng tổng hợp. Các thành phần tham gia nghiệm thu ký vào biên bản nghiệm thu và chịu trách nhiệm về kết quả đã nghiệm thu.

10. KINH PHÍ

Kinh phí triển khai Điều tra Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp năm 2022 từ nguồn ngân sách Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ giao cho Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Chế độ chi triển khai Điều tra Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp năm 2022 được thực hiện theo Thông tư 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia.

Tổ công tác triển khai Điều tra Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp năm 2022, Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng nguồn kinh phí được cấp theo chế độ tài chính hiện hành, bảo đảm điều kiện để thực hiện tốt cuộc điều tra./.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Mã phiếu: ☐☐ ☐ ☐☐ ☐☐☐☐

(Mã tỉnh - Cỡ doanh nghiệp (L/V/N) - Mã ngành cấp 2- Số thứ tự phiếu của tỉnh)

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG DOANH NGHIỆP NĂM 2022

(Áp dụng chung cho các DN nhà nước, DN ngoài nhà nước, DN có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp chế biến, chế tạo được chọn mẫu điều tra - sau đây gọi chung là doanh nghiệp)

Thực hiện theo Quyết định số /QĐ-BKHCN ngày / /2022của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về Điều tra đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp năm 2022.

Nghĩa vụ cung cấp thông tin được quy định theo Luật Thống kê. Thông tin cung cấp theo phiếu điều tra này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định.

Phần I: Thông tin chung về doanh nghiệp

①Tên doanh nghiệp: ③Năm thành lập:

…… .....

(Viết chữ in hoa, có dấu, không viết tắt)

②Mã số thuế của doanh nghiệp*(Viết đủ 10 chữ số):* ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

Điều tra viên ghi ☐☐

④Địa chỉ doanh nghiệp:

Tỉnh/TP trực thuộc Trung ương: ……

⑤Cơ cấu vốn điều lệ của doanh nghiệp

Vốn Nhà nước: …… % Vốn tư nhân trong nước: …… % Vốn nước ngoài: …… %

⑥Ngành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

(01 ngành tạo ra doanh thu lớn nhất/ sử dụng nhiều lao động nhất)

Ngành: …… *Điều tra viên ghi* ☐☐☐☐

⑦Lao động năm 2021:

Tại thời điểm 31/12/2021: ……*người,* trong đó số người có trình độ từ CĐ, ĐH trở lên: …….. *người.*

⑧Doanh thu thuần của Doanh nghiệp năm 2021: .....triệu đồng; trong đó, tỷ lệ % từ xuất khẩu sản phẩm: .....%

⑨Giá trị còn lại của máy móc, thiết bị của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2021:……triệu đồng.

⑩Doanh nghiệp có quỹ phát triển khoa học và công nghệ không?

(Tích "✓"vào ô phù hợp): ○ Có ○ Không

⑪Doanh nghiệp có bộ phận nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không?

(Tích "✓"vào ô phù hợp): ○ Có ○ Không

Mục II: Hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp

2.1 Đổi mới sản phẩm (ĐMSP)

⑫Đổi mới sản phẩm: Trong năm 2021, doanh nghiệp có đưa ra thị trường các ***sản phẩm mới*** hoặc ***sản phẩm được cải tiến*** không? *(Tích "✓" vào ô phù hợp)*

○ Có, tiếp tục câu hỏi 13 ○ Không, *chuyển tới Mục 2.2. Đổi mới quy trình SXKD (câu hỏi 16)*

⑬Về ***Sản phẩm mới*** và/hoặc ***sản phẩm được cải tiến*****:** Trong năm 2021, có bao nhiêu ***Sản phẩm mới*** và/hoặc ***sản phẩm được cải tiến*** được đưa ra thị trường theo từng loại phương thức thực hiện?

Phương thức thực hiện	Tổng số loại sản phẩm mới được đưa ra thị trường:....., trong đó:	Tổng số loại sản phẩm cải tiến được đưa ra thị trường:....., trong đó:
1. Doanh nghiệp tự thực hiện		
2. Doanh nghiệp hợp tác với tổ chức khác để thực hiện		
3. Do tổ chức khác thực hiện		

⑭Mức độ "mới" của các ***sản phẩm mới*** và ***sản phẩm được cải tiến*** (được liệt kê trong câu hỏi 13)

Mức độ "mới"		**Số lượng**
1. Mới với thị trường của DN	Doanh nghiệp giới thiệu một sản phẩm mới hoặc sản phẩm được cải tiến ra thị trường của DN trước cả đối thủ cạnh tranh (sản phẩm này có thể đã có ở thị trường khác)	
2. Mới chỉ với doanh nghiệp	Doanh nghiệp giới thiệu một sản phẩm mới hoặc sản phẩm được cải tiến ra thị trường mà sản phẩm này đã được đối thủ cạnh tranh giới thiệu tại thị trường của doanh nghiệp.	

⑮Tỷ trọng doanh thu từng loại sản phẩm của doanh nghiệp năm 2021:

Loại sản phẩm	**Tỷ trọng doanh thu**
1. Sản phẩm mới	.....%
2. Sản phẩm được cải tiến	…..%
3. Sản phẩm còn lại khác (kể cả các sản phẩm được mua từ doanh nghiệp khác để bán lại)	.....%
Tổng	**100%**

2.2 Đổi mới quy trình sản xuất kinh doanh (ĐMQT)

⑯ Đổi mới quy trình SXKD (ĐMQT): Trong năm 2021, doanh nghiệp có đưa vào áp dụng ***quy trình SXKD mới*** hoặc ***quy trình được cải tiến*** không? *(Tích "✓" vào ô phù hợp)*

○ Có, *tiếp tục câu hỏi 17.* ○ Không, *chuyển tới Mục III (câu hỏi 19).*

⑰ Phương thức thực hiện đối với từng loại quy trình?

Đề nghị ghi số quy trình mới hoặc được cải tiến vào phương thức thực hiện tương ứng:

Số quy trình SXKD mới hoặc quy trình SXKD được cải tiến	**Tổng số quy trình và phân ra theo phương thức thực hiện**	**Phương thức thực hiện**		
		Doanh nghiệp tự thực hiện	**Doanh nghiệp hợp tác với tổ chức khác để thực hiện**	**Do tổ chức khác thực hiện**
A	*1=2+3+4*	*2*	*3*	*4*
1. Phương pháp sản xuất, chế biến sản phẩm của doanh nghiệp				
2. Phương pháp logistic, vận chuyển hoặc phân phối nguyên vật liệu đầu vào, thành phẩm của doanh nghiệp				
3. Tiếp thị và bán hàng				
4. Hệ thống thông tin và truyền thông				
5. Quản lý và hành chính				
6. Phát triển sản phẩm và quy trình SXKD				

⑱ Phương thức đổi mới quy trình SXKD:

Doanh nghiệp đã áp dụng những phương thức nào dưới đây để ĐMQT SXKD trong năm 2021?

*(Đánh dấu "✓" vào tối đa **03** phương thức chủ yếu nhất đã thực hiện)*

Hình thức đã thực hiện	**Có áp dụng**
1. Đầu tư máy móc, thiết bị, hàng hóa đã gắn liền công nghệ mới	☐
2. Nâng cấp/chỉnh sửa công nghệ, thiết bị hiện tại	☐
3. Thuê công nghệ, thiết bị do các công ty khác cung cấp	☐
4. Thông qua ký hợp đồng lao động mới với người có kỹ năng và kinh nghiệm	☐
5. Nhận chuyển giao công nghệ từ các tổ chức KH&CN công lập (viện nghiên cứu, đại học,…) Nếu **Có áp dụng** vui lòng cho biết giá trị chuyển giao:…….....triệu đồng	☐
6. Nhận chuyển giao công nghệ từ các tổ chức KH&CN khác	☐
7. Khác (Ghi rõ:……..)	☐

Mục III: Tình hình thực hiện các hoạt động đổi mới sáng tạo

19 Trong năm 2021, doanh nghiệp có tiến hành các hoạt động nào sau đây phục vụ đổi mới sáng tạo?

Nếu "Có" đề nghị điền "Mức" (1,2,...,6) sau đây vào cột cuối bên phải đối với các câu hỏi từ 19(1) đến 19(8):

Mức	Chi phí ước tính
1	≤ 500 trVNĐ
2	> 500 đến 1.000 trVNĐ
3	> 1.000 đến 3.000 trVNĐ
4	> 3.000 đến 5.000 trVNĐ
5	> 5.000 đến 10.000 trVNĐ
6	> 10.000 trVNĐ

(Mỗi hoạt động tích "✓" vào ô phù hợp)

Các hoạt động ĐMST	Tình trạng thực hiện		Nếu "Có", điền Mức chi phí ước tính cho từng hoạt động ĐMST
	Có	Không	
1. ***Nghiên cứu và phát triển***: a.Thực hiện trong ***nội bộ DN***	○	○	……
b. Thực hiện ngoài DN	○	○	……
2. Hoạt động kỹ thuật, thiết kế và các hoạt động sáng tạo khác	○	○	……
3. Hoạt động tiếp thị và tài sản thương hiệu	○	○	……
4. Mua tri thức/thương hiệu từ bên ngoài (Mua quyền phát hành, bản quyền, bằng sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa, giấy phép nhượng quyền,…)	○	○	……
5. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nhân lực về ĐMST	○	○	……
6. Hoạt động về cơ sở dữ liệu và phát triển phần mềm	○	○	……
7. Mua sắm, thuê công nghệ, máy móc, thiết bị và phần mềm cho ĐMST	○	○	……
8. Hoạt động quản lý ĐMST	○	○	……

20 Tình trạng hoạt động ĐMSTcủa doanh nghiệp trong năm 2021?*(Tích "✓" vào ô phù hợp của mỗi dòng):*

	Có	Không
1. Các hoạt động ĐMST bị dừng trong năm 2021?	☐	☐
2. Các hoạt động ĐMST vẫn đang được thực hiện tại thời điểm 31/12/2021?	☐	☐
3. Các hoạt động ĐMST đã được hoàn thành trước 31/12/2021?	☐	☐

21 *Nếu cả 03 câu 12, 16, và 20* ***đều trả lời là "Không"*** *thì bỏ qua mục IV-VIII và tiếp tục trả lời các câu hỏi ở mục IX, còn lại đi đến mục IV*

Mục IV: Các yếu tố tác động đến hoạt động đổi mới sáng tạo

4.1 Các yếu tố tích cực

22 Đánh giá lợi ích các hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp mang lại trong năm 2021? Với mức cho điểm từ 1 đến 5 (khoanh tròn vào lựa chọn phù hợp):

	1 (Rất kém)	2 (Kém)	3 (Trung bình)	4 (Khá)	5 (Tốt)
1. Phát triển nhanh sản phẩm mới để đưa ra thị trường	1	2	3	4	5
2. Làm cho khoản đầu tư NC&PT mang lại hiệu quả thiết thực	1	2	3	4	5
3. Tiếp cận nhanh công nghệ tiên tiến	1	2	3	4	5
4. Đưa nhanh công nghệ tiên tiến ra thị trường	1	2	3	4	5

㉓ Đánh giá mức độ quan trọng của các mục tiêu dưới đây đặt ra đối với hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong năm 2021?

Mục tiêu *(Mỗi dòng tích "✓" vào một đáp án trả lời phù hợp)*	**Mức quan trọng**			
	Cao	**Trung bình**	**Thấp**	**Không liên quan**
1. Mở rộng quy mô của hàng hóa và dịch vụ	○	○	○	○
2. Thay thế những sản phẩm và quy trình đã lạc hậu	○	○	○	○
3. Tham gia thị trường mới	○	○	○	○
4. Tăng thị phần	○	○	○	○
5. Cải thiện chất lượng của hàng hóa và dịch vụ	○	○	○	○
6. Nâng cao giá trị sử dụng của hàng hóa và dịch vụ	○	○	○	○
7. Nâng cao năng lực sản xuất hàng hóa và dịch vụ	○	○	○	○
8. Cải thiện sức khỏe và an toàn lao động	○	○	○	○
9. Giảm chi phí sản xuất trên từng sản phẩm	○	○	○	○

4.2 Các yếu tố cản trở

㉔ Những yếu tố nào đã cản trở doanh nghiệp tiến hành đổi mới sáng tạo? Đánh giá theo mức độ ảnh hưởng của những yếu tố đó?

Các yếu tố	**Mức độ ảnh hưởng**			
	Cao	**Trung bình**	**Thấp**	**Không liên quan**
1. Chi phí cho ĐMST				
2. Thông tin				
3. Nhân lực				
4. Nhận thức				
5. Thị trường				
6. Thể chế				
Yếu tố khác*(ghi rõ):*……... …….				

Mục V: Nhà nước hỗ trợ đổi mới sáng tạo

㉕ Trong hoạt động đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp đã được hưởng lợi từ các hình thức hỗ trợ nào của Nhà nước dưới đây?

Hình thức hỗ trợ của Nhà nước *(Mỗi dòng tích "✓" vào ô phù hợp):*	**Có**	**Không**	**Nếu "Không", nêu lý do**				
			a	**b**	**c**	**d**	**e**
1. Các chính sách hỗ trợ ĐMCN (Giảm thuế, trích lập quỹ PT KH&CN, hỗ trợ tài chính thông qua giảm lãi suất tiền vay, giảm thuế,…)	○	○	○	○	○	○	○
2. Tín dụng (Các hỗ trợ, tài trợ liên quan đến khoản vay,…)	○	○	○	○	○	○	○
3. Tư vấn kỹ thuật (từ các chuyên gia, các nhà khoa học từ các tổ chức công lập; từ các tổ chức nghiên cứu, các trường đại học công lập,…)	○	○	○	○	○	○	○
4. Thực hiện các dự án (Nhiệm vụ, Chương trình KH&CN; Chương trình IPP,…)	○	○	○	○	○	○	○
5. Khác (ghi rõ):…….....	○	○	○	○	○	○	○

Chi tiết lý do không nhận được hỗ trợ của Nhà nước cho các hoạt động ĐMST (cho câu hỏi 25):

a. Chưa biết về các hình thức hỗ trợ này từ Nhà nước
b. Các hình thức hỗ trợ không có liên quan đến các nhu cầu của doanh nghiệp
c. Doanh nghiệp không biết đầu mối để kết nối với các hình thức hỗ trợ
d. Quy trình xét duyệt hỗ trợ trợ rất phức tạp
e. Doanh nghiệp không đủ năng lực kỹ thuật để có thể xin hỗ trợ

Mục VI: Vốn cho đổi mới sáng tạo

26 Vốn đầu tư cho hoạt động ĐMST được huy động từ đâu trong năm 2021:

	Đề nghị tích "✓" vào ô phù hợp **Dành cho đổi mới sáng tạo về**		
	Sản phẩm	Quy trình	NC&PT
1. Vốn tự có của doanh nghiệp	○	○	○
2. Vốn vay	○	○	○
3. Vốn hỗ trợ từ nhà nước	○	○	○
4. Nguồn khác	○	○	○

Mục VII: Hợp tác đổi mới sáng tạo

27 Trong năm 2021, doanh nghiệp có hợp tác với tổ chức khác để thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo không?
(Tích "✓" vào ô phù hợp) ○ Có, chuyển câu hỏi 27 ○ Không, chuyển tới *câu hỏi 28*

28 Đánh giá mức độ quan trọng của từng nhóm đối tác dưới đây trong các hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong năm 2021?
(Nếu có nhiều đối tác trong một nhóm đối tác, đề nghị đánh giá một cách tổng hợp. Mỗi dòng tích "✓" vào một đáp án trả lời phù hợp)

	Mức độ quan trọng của đối tác			
Nhóm đối tác	**Cao**	**Trung bình**	**Thấp**	**Không hợp tác**
1. Nhà cung cấp thiết bị, nguyên vật liệu thô, đầu vào trung gian, hoặc phần mềm	○	○	○	○
2. Khách hàng	○	○	○	○
3. Đối thủ cạnh tranh hoặc doanh nghiệp khác cùng ngành	○	○	○	○
4. Các trường đại học, cao đẳng	○	○	○	○
5. Các viện nghiên cứu công lập	○	○	○	○
6. Nhà tư vấn, phòng thí nghiệm, hoặc tổ chức NC&PT ngoài nhà nước	○	○	○	○

Mục VIII: Nguồn thông tin cho đổi mới sáng tạo

29 Trong năm 2021, hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp xuất phát từ nguồn thông tin nào sau đây (đánh giá theo mức quan trọng của nguồn thông tin)?
(Ứng với mỗi nguồn thông tin chỉ tích "✓" vào một đáp án trả lời phù hợp)

		Mức độ quan trọng của nguồn thông tin			
Nguồn thông tin		**Cao**	**Trung bình**	**Thấp**	**Không sử dụng**
1.Nội bộ	Từ doanh nghiệp	○	○	○	○
2.Thị trường	a. Nhà cung cấp thiết bị, nguyên vật liệu thô, đầu vào trung gian, phần mềm…	○	○	○	○
	b.Khách hàng	○	○	○	○
	c.Đối thủ cạnh tranh hoặc doanh nghiệp khác cùng ngành	○	○	○	○
3. Các tổ chức	a.Tổ chức tư vấn	○	○	○	○
	b.Tổ chức NC&PT	○	○	○	○
	c.Cơ sở giáo dục đại học	○	○	○	○
4. Nguồn khác	a. Techmart, Hội nghị, hội chợ, triển lãm…	○	○	○	○
	b.Tạp chí khoa học và các xuất bản phẩm thương mại/kỹ thuật	○	○	○	○
	c.Các hội chuyên ngành	○	○	○	○
	d. Khác (ghi rõ):……	○	○	○	○

Mục IX: Thực hiện quyền sở hữu công nghiệp

30 Đề nghị *tích "✓"* vào ô tương ứng đối với các sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, bản quyền đã đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã được cấp văn bằng bảo hộ trong năm 2021

Đối tượng sở hữu công nghiệp	Số đơn đăng ký	Số văn bằng được cấp
1. Sáng chế		
2. Kiểu dáng công nghiệp?		
3. Nhãn hiệu (Trademark)		
4. Bản quyền (Copyright)		
5. Khác (ghi rõ):……....		

Ngày tháng năm 2022

Điều tra viên	**Người cung cấp thông tin:**	**Xác nhận của doanh nghiệp (Ký và đóng dấu)**
Họ và tên:……	Họ và tên:……	
Số điện thoại: ……	Số điện thoại: ……	
(Ký xác nhận)	Email:	
	(Ký xác nhận)	

Xin trân trọng cảm ơn Ông/Bà đã tham gia khảo sát!

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU

ĐIỀU TRA ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG DOANH NGHIỆP NĂM 2022

Hà Nội, 2022

PHẦN I: NHIỆM VỤ CỦA ĐIỀU TRA VIÊN

NHIỆM VỤ CỦA ĐIỀU TRA VIÊN

(Áp dụng đối với điều tra viên về điều tra đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp năm 2022)

Điều tra viên (viết tắt là ĐTV) là người thu thập thông tin ban đầu. Thông tin ban đầu được thu thập một cách đầy đủ, phản ánh đúng thực tế khách quan là yếu tố quyết định tính chính xác của các chỉ tiêu thống kê tổng hợp và đóng vai trò quan trọng cho sự thành công của cuộc điều tra. Thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, ĐTV còn góp phần giảm chi phí cho các công việc tiếp theo của quá trình điều tra, chẳng hạn như: giảm chi phí xác minh lại thông tin, làm sạch dữ liệu, tiết kiệm thời gian xử lý… Vì vậy, mỗi ĐTV cần quán triệt nhiệm vụ và công việc được giao dưới đây.

1. Nhiệm vụ chung

- Nhận phiếu điều tra và danh sách đơn vị điều tra trên địa bàn, liên hệ hoặc trực tiếp đến các đơn vị điều tra được phân công để thu thập thông tin trong phiếu điều tra theo đúng hướng dẫn.

- ĐTV phải đọc kỹ Phương án điều tra và các văn bản hướng dẫn có liên quan, trao đổi để làm rõ những vấn đề chưa thống nhất trước khi đến cơ sở (doanh nghiệp).

- Trong quá trình thu thập thông tin, ĐTV cần gợi ý để người trả lời cung cấp thông tin một cách chính xác và ghi rõ ràng vào phiếu điều tra. Nếu nhận thấy thông tin được cung cấp chưa rõ, khó điền chính xác vào phiếu điều tra, cần phải trao đổi lại. Chỉ ghi vào phiếu những thông tin trung thực, đã được kiểm tra, không tự ý điền thông tin vào phiếu điều tra.

- Tổng hợp danh sách đơn vị điều tra trên địa bàn được phân công, kiểm tra và hoàn thiện phiếu điều tra, giao nộp phiếu điều tra hoàn chỉnh cho người có trách nhiệm hoặc cơ quan, đơn vị liên quan.

2. Nhiệm vụ cụ thể

Nhiệm vụ cụ thể của ĐTV được thể hiện trong ba giai đoạn của quá trình thu thập thông tin: chuẩn bị điều tra - Thực hiện điều tra tại địa bàn - Kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao phiếu điều tra.

2.1. Giai đoạn chuẩn bị điều tra

Trong thời gian chuẩn bị điều tra, ĐTV cần thực hiện các yêu cầu sau đây:

- Tham dự đầy đủ các lớp tập huấn nghiệp vụ do Ban chỉ đạo điều tra (BCĐĐT)

tổ chức. Tham dự tập huấn, ĐTV được trang bị đầy đủ kiến thức chủ yếu liên quan đến nhận dạng đơn vị, nội dung, phương pháp điều tra, được chia sẻ kinh nghiệm thực tế và được thực hành với các trường hợp đặc thù. Tại các lớp tập huấn, ĐVT còn được thảo luận, giải đáp thắc mắc, hoặc được làm rõ thêm những nội dung còn vướng mắc.

- Nghiên cứu kỹ cuốn "Sổ tay điều tra viên đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp tại Việt Nam năm 2022" để nắm vững nghiệp vụ điều tra trước khi đến cơ sở thu thập thông tin giúp ĐTV tự tin khi tiếp xúc với cơ sở. Chẳng hạn, nắm vững mục đích điều tra khi tiếp xúc với chủ cơ sở, ĐTV sẽ giải thích rõ ràng, mạch lạc mục đích điều tra đổi mới sáng tạo với chủ cơ sở, và khi đó họ sẽ hiểu và sẵn sàng hợp tác với ĐTV trong quá trình phỏng vấn. Hoặc, khi ĐTV hiểu rõ toàn bộ nội dung trong phiếu điều tra, chuẩn bị sẵn những tình huống có thể xảy ra trong thực tế trước khi tiếp cận với cơ sở, doanh nghiệp, thì khi phỏng vấn ĐTV sẽ không bị lúng túng, có cách xử phù hợp với từng trường hợp và như vậy sẽ tạo được niềm tin với người trả lời, kết quả thu thập thông tin của ĐTV sẽ được thuận lợi hơn. Lưu ý: Nội dung "Đổi mới sáng tạo" (chủ đề chính trong cuộc điều tra này) là khái niệm rất khó và trừu tượng; vì vậy đòi hỏi ĐTV phải đọc thật kỹ giải thích, rồi liên hệ với thực tế để vận dụng cho phù hợp theo từng câu hỏi khi tiến hành phỏng vấn thu thập thông tin.

- Chủ động tiếp cận, trao đổi công việc với người phụ trách địa bàn để nắm bắt các thông tin cần thiết như: số điện thoại liên hệ, địa điểm cần gặp, tiếp nhận kế hoạch chi tiết, các tài liệu, dụng cụ phục vụ điều tra, thời gian điều tra và giao nhận tài liệu và một số thông tin khác.

- Nghiên cứu kỹ danh sách đơn vị điều tra, khảo sát địa bàn điều tra được phân công, lập lịch trình chi tiết cho từng ngày đến các doanh nghiệp để thu thập thông tin và gửi lịch trình điều tra cho những người phụ trách liên quan.

- Nhận phiếu, tài liệu điều tra, các trang thiết bị, vật tư cần thiết cho điều tra viên (phiếu điều tra, giải thích phiếu điều tra, sổ liệt kê danh sách đơn vị điều tra, sổ tay điều tra viên, sổ ghi chép, bút bi...).

2.2. Giai đoạn thực hiện điều tra tại địa bàn

- Đến đơn vị điều tra, yêu cầu của ĐTV đối với quy định thực hiện điều tra tại địa bàn là phải mang theo: lịch trình điều tra, danh sách các đơn vị điều tra được phân công, phiếu điều tra và các tài liệu cần thiết phục vụ điều tra.

- Khi tiếp xúc với doanh nghiệp, ĐTV cần làm đủ các thủ tục giao tiếp ban đầu và đề đạt nguyện vọng cần gặp chủ (đại diện) doanh nghiệp. Khi tiếp xúc với chủ doanh nghiệp, cũng cần có thái độ nhã nhặn, chào hỏi, giới thiệu và nói rõ nhiệm vụ của điều tra viên. Trước khi phỏng vấn thu thập thông tin, cần giải thích ngắn gọn, rõ ràng mục đích của cuộc điều tra để nhận được sự hợp tác của người trả lời. Sau những nội dung thông tin chung về doanh nghiệp, nếu người trả lời nói không rõ những thông

tin về đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp thì ĐTV đề nghị được gặp những đối tượng khác nắm được tình hình hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp để phỏng vấn tiếp.

- Cần chuẩn bị sẵn những câu hỏi phù hợp với từng mục trong phiếu điều tra. Nếu có mục nào thấy khó đối với người trả lời, cần khéo léo gợi ý hoặc chuyển đến hỏi mục tiếp theo, sau khi hỏi hết các mục tiếp theo, quay lại hỏi các mục đã bỏ qua. Khi đó, người trả lời có thể hiểu hơn về những nội dung ĐTV cần phỏng vấn và có thể trả lời những mục trước một cách dễ dàng hơn.

- Cần kiểm tra kỹ nội dung của phiếu điều tra xem có thông tin nào chưa được điền hoặc thông tin chưa hợp lý thì cần hỏi thêm để bổ sung hoặc chỉnh sửa cho hợp lý. Trước khi rời doanh nghiệp, cần cám ơn sự hợp tác của họ.

- Sau mỗi ngày kết thúc điều tra, ĐTV cần kiểm tra lại toàn bộ các phiếu đã thực hiện trong ngày để tiếp tục hoàn thiện phiếu. Nếu phát hiện phiếu điều tra của đơn vị nào đó chưa hoàn chỉnh, thiếu logic (sót thông tin chưa điền, thông tin chưa hợp lý...), thì ĐTV có thể liên hệ lại với đơn vị đó (bằng điện thoại hoặc trực tiếp) để hỏi lại và hoàn thiện phiếu. ĐTV sắp xếp các phiếu đã hoàn chỉnh theo một trật tự nhất định (nên sắp xếp theo số thứ tự tăng dần của ô mã phiếu (ghi ở đầu phiếu) để tiện kiểm, bảo quản, lưu giữ và bàn giao phiếu với tổ trưởng theo quy định. Chú ý: phiếu điều tra của các doanh nghiệp thuộc danh sách điều tra toàn bộ sẽ để với nhau, và phiếu điều tra của doanh nghiệp thuộc danh sách điều tra chọn mẫu để với nhau. Khi điều tra nếu gặp trường hợp doanh nghiệp thuộc danh sách điều tra toàn bộ nhưng khi điều tra có số lao động nhỏ hơn 200 người thì vẫn để ở danh sách các đơn vị điều tra toàn bộ, hoặc gặp doanh nghiệp thuộc danh sách doanh nghiệp điều tra chọn mẫu nhưng có số lao động lớn hơn 200 người thì vẫn để ở danh sách các đơn vị chọn mẫu.

- Trong quá trình thu thập thông tin tại cơ sở, nếu có điều gì còn băn khoăn, vướng mắc cần ghi chép lại để tìm hiểu thêm và báo cáo tổ trưởng biết để xử lý.

- Tuyệt đối không được cung cấp bất cứ thông tin nào trong phiếu điều tra với các đối tượng không có liên quan.

- Trường hợp không tìm thấy đơn vị điều tra theo danh sách, thì phải hỏi kỹ để biết thông tin và ghi rõ lý do không tìm thấy cơ sở theo danh sách, đồng thời báo về cơ quan chỉ đạo tổ chức điều tra để lựa chọn hoặc hướng dẫn lựa chọn đơn vị thay thế.

2.3. Giai đoạn kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao

- Việc kiểm tra phiếu được ĐTV thực hiện hàng ngày. Phiếu đã hoàn chỉnh được sắp xếp trật tự và bảo quản cẩn thận để bàn giao cho người có thẩm quyền.

- Tuyệt đối giữ bí mật những thông tin ghi trong phiếu điều tra; không cho bất cứ ai mượn, sao chép phiếu điều tra (trừ người phụ trách trực tiếp). Nếu để lộ bí mật những thông tin ghi trong phiếu, ĐTV phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật *(Khoản e, Điều 10, Luật Thống kê năm 2015 có quy định nghiêm cấm hành vi… tiết lộ dữ liệu*

thông tin thống kê chưa được công bố; sử dụng dữ liệu thông tin của các tổ chức, cá nhân ngoài mục đích thống kê khi chưa được sự đồng ý của tổ chức, cá nhân đó).

- Giao nộp phiếu điều tra cho người có thẩm quyền: ĐTV phải nộp phiếu điều tra đã điền đầy đủ, chính xác thông tin cho tổ trưởng theo kế hoạch. Điền đầy đủ thông tin vào "Phiếu giao nhận số lượng và kết quả nghiệm thu chất lượng phiếu điều tra giữa điều tra viên và người có trách nhiệm tiếp nhận". ĐTV phải ký và yêu cầu người nhận ký xác nhận vào phiếu giao nhận.

PHẦN II: GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU ĐIỀU TRA

THÔNG TIN CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP

Mã số phiếu (in ở đầu phiếu góc bên phải)

Mã số phiếu gồm 09 ký tự bao gồm cả chữ và số, được sắp xếp theo quy tắc sau:

- 2 ký tự số đầu tiên: mã tỉnh (được quy định tại Đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê - http://www.gso.gov.vn/dmhc2015/)
- 1 ký tự chữ tiếp theo: cỡ doanh nghiệp (L hoặc V hoặc N), tương ứng:
  + L: doanh nghiệp lớn
  + V: doanh nghiệp vừa
  + N: doanh nghiệp nhỏ
- 2 ký tự số tiếp theo: mã ngành cấp 2
- 4 ký tự số tiếp theo: số thứ tự phiếu của tỉnh/thành phố.

Phần I: Thông tin chung về doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp: ghi tên chính thức của doanh nghiệp bằng chữ in hoa theo quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Mã số thuế: ghi mã số thuế do cơ quan Thuế/cơ quan Quản lý đăng ký kinh doanh cấp.

3. Năm thành lập: ghi năm thành lập của doanh nghiệp theo quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Địa chỉ doanh nghiệp: ghi tỉnh/TP trực thuộc trung ương mà trụ sở giao dịch chính của doanh nghiệp đóng tại. Ghi đầy đủ, không viết tắt các thông tin, để có thể ghi mã đúng. Các ô mã trong mục địa chỉ do ĐTV ghi.

5. Cơ cấu vốn điều lệ của doanh nghiệp

Doanh nghiệp ghi rõ phần trăm (%) vốn theo vốn Nhà nước, vốn tư nhân trong nước và vốn nước ngoài. Tổng cơ cấu vốn (vốn Nhà nước, vốn tư nhân trong nước, vốn nước ngoài) là 100%.

6. Ngành thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

Ghi rõ 01 ngành tạo ra doanh thu lớn nhất hoặc sử dụng nhiều lao động nhất. ĐTV điền mã ngành tương ứng.

7. Lao động năm 2021

Ghi tổng số lao động mà doanh nghiệp trực tiếp quản lý, sử dụng và trả lương; bao gồm lao động được trả công, trả lương và lao động không được trả công, trả lương (kể cả chủ doanh nghiệp tư nhân).

Tại thời điểm 31/12/2021: ghi tổng số lao động của doanh nghiệp hiện có trong danh sách tại thời điểm 31/12/2021. Trong đó ghi riêng số lao động có trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên.

8. Doanh thu thuần của doanh nghiệp năm 2021

Doanh thu thuần là khoản doanh thu bán hàng sau khi đã trừ các khoản giảm trừ doanh thu như: thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán bị trả lại.

Trong đó, ghi tỷ lệ phần trăm của doanh thu thuần từ xuất khẩu sản phẩm trong tổng doanh thu thuần.

9. Giá trị còn lại của máy móc, thiết bị của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2021

Máy móc thiết bị là những tài sản cố định hữu hình (có giá trị từ 30 triệu đồng và có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên) ngoài bất động sản, phục vụ tạo ra thu nhập cho doanh nghiệp. Đây là tổng giá trị máy móc, thiết bị, dụng cụ dùng cho sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu, thí nghiệm... bao gồm những máy móc chuyên dùng, máy móc, thiết bị công tác, dây chuyền công nghệ và những máy móc đơn lẻ, tại thời điểm 31/12/2021 (giá hiện hành: giá trị còn lại của tài sản).

10. Doanh nghiệp có quỹ phát triển khoa học và công nghệ không?

Quỹ phát triển KH&CN là quỹ đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, được thành lập theo Điều 9 Nghị định 95/2014/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan:

- Doanh nghiệp nhà nước hàng năm phải trích từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp ngoài nhà nước được quyền trích từ thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp một tỷ lệ hợp lý, tối đa 10% để lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

11. Doanh nghiệp có bộ phận nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không?

Bộ phận chuyên trách về NC&PT là một phòng, ban, một trung tâm hoặc đơn thuần là một tổ, một bộ phận… có chức năng chuyên về hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, phát triển sản phẩm mới, quy trình công nghệ mới hoặc nghiên cứu cải tiến về kỹ thuật những sản phẩm, quy trình công nghệ đang có.

THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG DOANH NGHIỆP NĂM 2021

Mục II: Các đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp

Một đổi mới sáng tạo (ĐMST) là *một sản phẩm hay một quy trình sản xuất kinh doanh (SXKD) mới hoặc được cải tiến (hoặc kết hợp cả hai) mà khác một cách đáng kể so với sản phẩm hay quy trình SXKD trước đó của doanh nghiệp (DN) và sản phẩm đó đã được đưa ra thị trường hay quy trình SXKD đó đã được DN đưa vào sử dụng*.

Bản chất chung của một ĐMST là công việc đó phải được hoàn thành và cho ra kết quả được sử dụng, tức là sản phẩm được bán ra thị trường, quy trình được đưa vào sử dụng mang lại giá trị gia tăng cho doanh nghiệp. Có hai loại ĐMST chính là đổi mới sản phẩm và đổi mới quy trình sản xuất kinh doanh (không chỉ đổi mới quy trình công nghệ).

2.1. Đổi mới sản phẩm

Đổi mới sản phẩm (ĐMSP): *Một đổi mới sản phẩm là một hàng hóa hoặc dịch vụ mới hoặc được cải tiến làm cho hàng hóa hoặc dịch vụ đó khác một cách đáng kể so với hàng hóa hay dịch vụ của DN có trước đó và hàng hóa hoặc dịch vụ đó đã được đưa ra thị trường.* Kết quả của hoạt động này bao gồm sản phẩm mới hoặc sản phẩm được cải tiến về kỹ thuật như sau:

- *Sản phẩm mới* là sản phẩm (hàng hóa và dịch vụ) khác về đặc tính kỹ thuật hay tính năng sử dụng so với những sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất trước đó. Sự đổi mới sản phẩm như thế này có thể xuất phát từ việc áp dụng công nghệ mới, việc đưa ra ứng dụng mới từ kết hợp các công nghệ đang có, hoặc từ việc áp dụng tri thức mới. Ví dụ về những sản phẩm mới có áp dụng những công nghệ mới là tivi màn hình cong đầu tiên; Smartphone có camera để chụp ảnh selfi, là những sản phẩm mới kết hợp được các công nghệ sẵn có.

Việc phát triển một tiện ích mới cho một sản phẩm chỉ với những thay đổi nhỏ về đặc tính kỹ thuật của nó chính là đổi mới sản phẩm. Ví dụ như việc giới thiệu một loại bột giặt mới có sử dụng hợp chất hóa học sẵn có mà trước đây được sử dụng như một chất trung gian cho quá trình sơn phủ.

- *Sản phẩm được cải tiến* về kỹ thuật là sản phẩm cũ được bổ sung hoặc nâng cao tính năng. Một sản phẩm đơn giản có thể được cải tiến (để có tính năng tốt hơn hoặc giá thành thấp hơn) bằng cách áp dụng nguyên liệu, thành phần mang lại tính năng cao hơn; hoặc một sản phẩm phức hợp (bao gồm một số bộ phận tích hợp lại) có thể được cải tiến bằng cách thay đổi một vài bộ phận tích hợp.

Việc đưa ra hệ thống chống bó phanh (ABS) và hệ thống định vị toàn cầu (GPS), hay những cải tiến của những hệ thống phụ khác trong xe ô tô là một ví dụ về việc đổi mới sản phẩm bao hàm những thay đổi từng phần hoặc bổ sung thêm một trong số các hệ thống kỹ thuật phụ tích hợp. Việc sử dụng sợi vải thông thoáng trong sản xuất quần áo là một ví dụ về đổi mới sản phẩm liên quan đến việc sử dụng nguyên liệu mới giúp

cải thiện hiệu suất sản phẩm.

ĐMSP bao hàm hai loại sản phẩm cơ bản là hàng hóa và dịch vụ:

Hàng hóa bao gồm các vật hữu hình và một số sản phẩm chứa đựng thông tin1 có thể mà thông qua đó quyền sở hữu được thiết lập và quyền sở hữu đó được chuyển giao thông qua giao dịch thị trường.

Dịch vụ là các hoạt động vô hình được sản xuất và tiêu thụ đồng thời và nó thay đổi các điều kiện của người dùng (ví dụ: điều kiện thể chất, tâm lý...). Sự tham gia của người dùng thông qua thời gian, sự sẵn sàng, sự chú ý, sự trao đổi thông tin hoặc nỗ lực của họ thường là điều kiện cần thiết đưa đến sự cùng phối hợp sản xuất ra các dịch vụ của người dùng và doanh nghiệp. Do đó, các đặc tính hoặc ấn tượng của một dịch vụ có thể phụ thuộc vào sự tương tác, phối hợp của người dùng. Dịch vụ cũng có thể bao gồm một số sản phẩm chứa đựng thông tin2.

Sản phẩm được đổi mới là sản phẩm trước tiên phải mới đối với doanh nghiệp, nhưng không nhất thiết phải mới đối với thị trường của doanh nghiệp. Cũng không phân biệt là việc đổi mới sáng tạo đó là do doanh nghiệp thực hiện đầu tiên hay được thực hiện bởi doanh nghiệp khác.

12. Trong năm 2021, doanh nghiệp có đưa ra thị trường các sản phẩm mới hoặc sản phẩm được cải tiến không?

Tích "✓" vào ô phù hợp. Nếu câu trả lời là có thì tiếp tục trả lời từ câu hỏi 13 trở đi. Nếu câu trả lời là Không thì bỏ qua câu 13, 14, 15 và tiếp tục trả lời Mục 2.2 từ câu 16 trở đi.

13. Số loại sản phẩm mới, sản phẩm cải tiến theo phương thức thực hiện

Ghi tổng số loại sản phẩm mới được đưa ra thị trường và tổng số loại sản phẩm cải tiến được đưa ra thị trường. Sau đó ghi số loại sản phẩm mới, sản phẩm cải tiến theo từng phương thức thực hiện bao gồm:

1. Doanh nghiệp tự thực hiện;

2. Doanh nghiệp hợp tác với tổ chức khác để thực hiện;

3. Do tổ chức khác thực hiện.

14. Mức độ "mới" của các sản phẩm mới và sản phẩm được cải tiến (được liệt kê trong câu hỏi 13)

Trong các sản phẩm mới và sản phẩm được cải tiến được liệt kê trong câu 13, hãy cho biết mức độ "mới" của các sản phẩm đó và số lượng loại sản phẩm theo từng mức độ mới bao gồm:

---

[1] Ví dụ như: bản nhạc, bộ phim, sách điện tử,...được chứa trong đĩa CD, USB,... và CD, USB là những hàng hóa. Người tiêu dùng, sau khi mua, có thể chia sẻ hoặc bán lại cho người khác.

[2] Ví dụ như: : bản nhạc, bộ phim, sách điện tử,... được lưu giữ trên Đám mây điện toán và người tiêu dùng phải trả phí (dịch vụ, bản quyền,...) khi muốn truy cập đến các bản nhạc, bộ phim, cuốn sách để sử dụng và phải tuân thủ các quy định về bản quyền như: không được sao chép, chia sẻ cho người khác.

1. Mới với thị trường của doanh nghiệp: DN giới thiệu một sản phẩm mới hoặc sản phẩm được cải tiến ra thị trường của DN trước cả đối thủ cạnh tranh (sản phẩm này có thể đã có ở thị trường khác);

2. Mới chỉ với doanh nghiệp: DN giới thiệu một sản phẩm mới hoặc sản phẩm được cải tiến ra thị trường mà sản phẩm này đã được đối thủ cạnh tranh giới thiệu tại thị trường của DN.

15. Tỷ trọng doanh thu từng loại sản phẩm của doanh nghiệp năm 2021:

Trong tổng doanh thu hàng hóa và dịch vụ năm 2021, ước tính tỷ lệ (%) doanh thu của:

- Sản phẩm mới: lấy doanh thu năm 2021 của các sản phẩm loại này chia cho tổng doanh thu hàng hóa và dịch vụ năm 2021 của doanh nghiệp để có tỷ trọng (%);

- Sản phẩm được cải tiến về kỹ thuật: lấy doanh thu năm 2021 của các sản phẩm loại này chia cho tổng doanh thu hàng hóa và dịch vụ năm 2021 của doanh nghiệp để có tỷ trọng (%);

- Sản phẩm còn lại khác: lấy tổng doanh thu của các sản phẩm khác còn lại (sản phẩm cũ, kể cả các sản phẩm được mua từ doanh nghiệp khác để bán lại) chia cho tổng doanh thu hàng hóa và dịch vụ năm 2021 của doanh nghiệp để có tỷ trọng (%).

Tổng tỷ trọng các sản phẩm này là 100%.

Mục 2.2. Đổi mới quy trình sản xuất kinh doanh

Đổi mới quy trình SXKD (ĐMQT): *Một đổi mới quy trình SXKD là một quy trình SXKD mới hoặc được cải tiến về một hoặc nhiều chức năng SXKD làm cho quy trình khác một cách đáng kể so với quy trình SXKD trước đó của DN và quy trình đó đã được DN đưa vào sử dụng.*

Quy trình SXKD là quy trình liên quan đến 6 chức năng cơ bản của DN, cụ thể: (i) Sản xuất hàng hóa hoặc dịch vụ; (ii) Phân phối và lưu thông; (iii) Bán hàng và tiếp thị; (iv) Hệ thống thông tin và công nghệ truyền thông; (v) Điều hành và quản lý; (vi) Phát triển sản phẩm và quy trình SXKD.

Các loại ĐMQT:

1. Quy trình sản xuất hàng hóa và dịch vụ: là các hoạt động biến chuyển "đầu vào" thành hàng hóa hoặc dịch vụ, bao gồm cả hoạt động kỹ thuật và thử nghiệm kỹ thuật, phân tích và chứng nhận để phục vụ cho sản phẩm.

2. Phân phối và lưu thông: chức năng này bao gồm:

a. Vận chuyển và phân phối sản phẩm

b. Kho bãi

c. Quản lý đơn hàng

3. Bán hàng và tiếp thị: chức năng này bao gồm:

a. Các phương pháp tiếp thị bao gồm quảng cáo (về sản phẩm, trưng diện sản phẩm,

đóng gói sản phẩm), tiếp thị từ xa, triển lãm và hội chợ, nghiên cứu thị trường và các hoạt động khác để phát triển thị trường mới.

b. Phương pháp và chiến lược định giá

c. Hoạt động bán hàng và hậu mãi, bao gồm cả các hoạt động hỗ trở khách hàng và quan hệ khách hàng

4. Hệ thống thông tin và công nghệ truyền thông: là hoạt động duy trì và bảo đảm hệ thống thông tin và truyền thông, bao gồm:

a. Phần cứng và phần mềm

b. Xử lý dữ liệu và cơ cở dữ liệu

c. Bảo hành và sửa chữa

d. Dịch vụ web và các hoạt động thông tin liên quan đến máy tính

Các chức năng này có thể được cung cấp bởi các bộ phận khác nhau.

5. Điều hành và quản lý: chức năng này bao gồm:

a. Quản lý kinh doanh chung và kinh doanh chiến lược, bao gồm cả việc triển khai trách nhiệm công việc

b. Quản trị doanh nghiệp (pháp lý, kế hoạch và quan hệ công chúng)

c. Kế toán, kiểm toán, thanh toán và các hoạt động tài chính hoặc bảo hiểm khác

d. Quản lý nhân sự (đào tạo và bồi dưỡng, tuyển dụng nhân viên, tổ chức nơi làm việc, cung cấp nhân sự tạm thời, quản lý tiền lương, hỗ trợ y tế)

e. Mua sắm

f. Quản lý các mối quan hệ bên ngoài với các nhà cung cấp, đối tác,...

6. Phát triển sản phẩm và quy trình SXKD: các hoạt động để nhận dạng, xác định, phát triển hoặc điều chỉnh các sản phẩm hoặc quy trình SXKD của một DN. Chức năng này có thể được thực hiện một cách có hệ thống hoặc thông qua một nhiệm vụ riêng, và được thực hiện trong DN hoặc thu được từ các nguồn bên ngoài. Chịu trách nhiệm về các hoạt động này có thể do một bộ phận riêng biệt hoặc do các bộ phận có các chức năng khác phụ trách, ví dụ: bộ phận sản xuất hàng hóa hoặc dịch vụ.

16. Trong năm 2021, doanh nghiệp có đưa vào áp dụng <u>quy trình SXKD mới</u> hoặc <u>quy trình được cải tiến</u> không?

Tích "✓" vào ô phù hợp. Nếu câu trả lời là Có tiếp tục trả lời các câu 17, 18, nếu Không chuyển tới câu 19.

17. Phương thức thực hiện đối với từng loại quy trình?

Ghi số quy trình mới hoặc được cải tiến vào phương thức thực hiện tương ứng.

Quy trình SXKD mới hoặc quy trình SXKD được cải tiến bao gồm:

- Phương pháp sản xuất, chế biến sản phẩm của DN;
- Phương pháp logistic, vận chuyển hoặc phân phối nguyên vật liệu đầu vào, thành phẩm của DN;

- Tiếp thị và bán hàng;
- Hệ thống thông tin và truyền thông;
- Quản lý và hành chính;
- Phát triển sản phẩm và quy trình SXKD.

Phương thức thực hiện bao gồm:

- DN tự thực hiện;
- DN hợp tác với tổ chức khác để thực hiện;
- Do tổ chức khác thực hiện.

18. Phương thức đổi mới quy trình SXKD:

Đánh dấu "✓" vào tối đa **03** phương thức chủ yếu nhất đã thực hiện trong các phương thức dưới đây:

1. Đầu tư máy móc, thiết bị, hàng hóa đã gắn liền công nghệ mới;
2. Nâng cấp/chỉnh sửa công nghệ, thiết bị hiện tại;
3. Thuê công nghệ, thiết bị do các công ty khác cung cấp;
4. Thông qua ký hợp đồng lao động mới với người có kỹ năng và kinh nghiệm;
5. Nhận chuyển giao công nghệ từ các tổ chức KH&CN công lập (viện nghiên cứu, đại học,…);

Nếu **Có áp dụng** vui lòng cho biết giá trị chuyển giao, đơn vị tính: triệu đồng;

6. Nhận chuyển giao công nghệ từ các tổ chức KH&CN khác;
7. Khác (Ghi cụ thể phương thức đổi mới khác).

Mục III: Tình hình thực hiện các hoạt động ĐMST

Hoạt động đổi mới sáng tạo là các hoạt động khoa học, công nghệ, tổ chức và quản lý, tài chính, thương mại... để thực hiện/hoàn thành đổi mới sản phẩm, đổi mới quy trình, đổi mới tổ chức và quản lý hoặc đổi mới tiếp thị. Doanh nghiệp có hoạt động ĐMST là DN thực hiện các hoạt động ĐMST, trong giai đoạn quan sát, kể cả các hoạt động đang triển khai (chưa hoàn thành) hay hoạt động bị dừng giữa chừng.

19. Trong năm 2021, doanh nghiệp có tiến hành các hoạt động nào sau đây phục vụ đổi mới sáng tạo?

Câu 19 nhằm ghi nhận những hoạt động ĐMST mà doanh nghiệp đã thực hiện trong năm 2021.

Mỗi hoạt động tích "✓" vào ô phù hợp

Nếu doanh nghiệp CÓ tiến hành các hoạt động đổi mới sáng tạo, đề nghị ước tính số tiền doanh nghiệp dành ra để thực hiện hoạt động đó (chi phí cho hoạt động đổi mới sáng tạo) trong năm 2021.

Cụ thể các hoạt động ĐMST như sau:

1. Hoạt động NC&PT thực hiện trong nội bộ doanh nghiệp: hoạt động này bao gồm tất cả các hoạt động NC&PT sản phẩm, công nghệ, thiết bị… được các doanh nghiệp tiến hành, bao gồm cả nghiên cứu cơ bản để nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ chi phí sản xuất, thay thế nguyên liệu mới, sản phẩm mới… (kể cả chi phí thử nghiệm trước khi đưa vào ứng dụng) và toàn bộ chi phí cho đầu tư ứng dụng để đổi mới công nghệ cũ, bao gồm chi phí thiết bị, chi phí XDCB cho hoạt động NC&PT, chi phí chạy

thử….;

2. Hoạt động kỹ thuật, thiết kế và các hoạt động sáng tạo khác: hầu hết các công việc thiết kế và công việc sáng tạo khác là các hoạt động đổi mới, ngoại trừ các công việc thiết kế nhỏ mà những thay đổi do thiết kế nhỏ mang lại không đáp ứng các yêu cầu của một đổi mới sáng tạo, chẳng hạn như sản xuất một sản phẩm hiện tại trong một màu sắc mới. Nhiều công việc kỹ thuật không phải là hoạt động đổi mới, chẳng hạn như thực hiện thủ tục sản xuất và kiểm soát chất lượng hàng ngày đối với các quy trình hiện có. Các công việc kỹ thuật để thực hiện giải mã công nghệ, hoặc để thay đổi hoặc giới thiệu quy trình sản xuất, dịch vụ hoặc phương thức giao hàng mới, có thể là hoặc không là một hoạt động ĐMST, tùy thuộc vào việc các hoạt động này được tiến hành để đổi mới hoặc vì mục đích khác;

3. Hoạt động tiếp thị và giá trị thương hiệu: hoạt động tiếp thị cho các sản phẩm hiện tại chỉ là hoạt động đổi mới nếu thực tế tiếp thị đang là một đổi mới sáng tạo. Đối với nhiều doanh nghiệp, chỉ một phần nhỏ chi tiêu tiếp thị có thể liên quan đến các đổi mới sản phẩm được đưa ra thị trường trong giai đoạn quan sát. Các hoạt động đổi mới liên quan bao gồm: nghiên cứu sơ bộ thị trường, thử nghiệm thị trường, ra mắt quảng cáo và triển khai cơ chế giá và phương pháp trình diễn sản phẩm đối với sản phẩm đổi mới. Trong một số trường hợp, những lợi thế của đổi mới quy trình sản xuất kinh doanh cũng có thể được đưa lên tiếp thị, ví dụ nếu đổi mới quy trình kinh doanh có lợi ích về môi trường hoặc cải thiện chất lượng sản phẩm;

4. Mua tri thức từ bên ngoài: là doanh nghiệp mua quyền phát hành, bản quyền, bằng sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa, giấy phép nhượng quyền, bí quyết sản xuất và các dạng thông tin/tri thức khác từ bên ngoài doanh nghiệp để phát triển sản phẩm và quy trình công nghệ mới hoặc để cải tiến sản phẩm và quy trình công nghệ cũ;

5. Đào tạo, tập huấn về hoạt động đổi mới sáng tạo: là doanh nghiệp tổ chức đào tạo, tập huấn trong hoặc ngoài doanh nghiệp cho nhân lực của doanh nghiệp để nâng cao kỹ năng và kinh nghiệm của người lao động hay tuyển dụng thêm lao động mới có kỹ năng và kinh nghiệm phục vụ ĐMST;

6. Hoạt động về cơ sở dữ liệu và phát triển phần mềm: phát triển phần mềm là một hoạt động đổi mới sáng tạo khi hoạt động đó nhằm triển khai các quy trình SXKD hoặc sản phẩm mới hoặc được cải tiến, như trò chơi máy tính, hệ thống hậu cần hoặc phần mềm để tích hợp các quy trình sản xuất kinh doanh. Hoạt động về cơ sở dữ liệu là một hoạt động đổi mới sáng tạo khi hoạt động đó được dùng cho ĐMST, chẳng hạn như phân tích dữ liệu về các tính chất của vật liệu hoặc sở thích của khách hàng;

7. Mua sắm, thuê công nghệ, máy móc, thiết bị và phần mềm cho ĐMST;

8. Hoạt động quản lý ĐMST: quản lý đổi mới bao gồm tất cả các hoạt động có hệ thống để lập kế hoạch, điều hành và kiểm soát các nguồn lực bên trong và bên ngoài phục vụ đổi mới sáng tạo. Điều này bao gồm cách phân bổ nguồn lực cho đổi mới sáng tạo, thực hành trách nhiệm và quyền ra quyết định trong nhân viên, quản lý sự cộng tác với các đối tác bên ngoài, tích hợp các yếu tố đầu vào từ bên ngoài vào các hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp và vào các hoạt động giám sát kết quả đổi mới sáng tạo và hỗ trợ học hỏi kinh nghiệm. Quản lý đổi mới sáng tạo bao gồm các hoạt động xây

dựng chính sách, chiến lược, mục tiêu, quy trình, cấu trúc, vai trò và trách nhiệm để triển khai ĐMST trong doanh nghiệp, cũng như các phương thức để xem xét và đánh giá các hoạt động đó. Thông tin về quản lý đổi mới sáng tạo có liên quan đến nghiên cứu về hiệu quả chi tiêu cho các hoạt động đổi mới sáng tạo để tạo ra doanh số hoặc kết quả khác của đổi mới sáng tạo.

20. Tình trạng hoạt động ĐMSTcủa doanh nghiệp trong năm 2021?

Tích "✓" vào ô phù hợp của mỗi dòng.

Tình trạng của các hoạt động ĐMST bao gồm:

1. Các hoạt động ĐMST bị dừng trong năm 2021?
2. Các hoạt động ĐMST vẫn đang được thực hiện tại thời điểm 31/12/2021?
3. Các hoạt động ĐMST đã được hoàn thành trước 31/12/2021?

21. Nếu cả 03 câu 12, 16, và 20 đều trả lời là "Không" thì bỏ qua mục IV-VIII và tiếp tục trả lời các câu hỏi ở mục IX và X, còn lại đi đến mục IV.

Mục IV: Các yếu tố tác động đến hoạt động đổi mới sáng tạo

*** Các yếu tố tích cực**

22. Đánh giá lợi ích các hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp mang lại trong năm 2021? Với mức cho điểm từ 1 đến 5

Khoanh tròn vào lựa chọn phù hợp theo 5 mức độ: 1 (Rất kém) , 2 (Kém), 3 (Trung bình), 4 (Khá), 5 (Tốt) đối với mỗi lợi ích liệt kê dưới đây:

- Phát triển nhanh sản phẩm mới để đưa ra thị trường;
- Làm cho khoản đầu tư NC&PT mang lại hiệu quả thiết thực;
- Tiếp cận nhanh công nghệ tiên tiến;
- Đưa nhanh công nghệ tiên tiến ra thị trường.

23. Đánh giá mức độ quan trọng của các mục tiêu dưới đây đặt ra đối với hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong năm 2021?

Ứng với mỗi mục tiêu chỉ tích "✓" vào 01 đáp án trả lời phù hợp

Nếu doanh nghiệp tiến hành nhiều hoạt động đổi mới sáng tạo trong năm 2021, đề nghị cho đánh giá một cách tổng hợp các mục tiêu đặt ra đối với các hoạt động ĐMST.

*** Các yếu tố cản trở**

24. Những yếu tố nào đã cản trở doanh nghiệp tiến hành đổi mới sáng tạo? Đánh giá theo mức độ ảnh hưởng của những yếu tố đó.

Ứng với mỗi mục tiêu chỉ tích "✓" vào 01 đáp án trả lời phù hợp

Những yếu tố nào đã cản trở doanh nghiệp tiến hành đổi mới sáng tạo, đề nghị cho đánh giá một cách tổng hợp mức độ ảnh hưởng của các yếu tố cản trở đó.

Mục V: Nhà nước hỗ trợ ĐMST

25. Trong hoạt động đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp đã được hưởng lợi từ các hình thức hỗ trợ nào của Nhà nước?

Đánh dấu "✓" và cột "Có" hoặc "Không" tương ứng với các hình thức hỗ trợ, cụ thể:

1. Các chính sách hỗ trợ ĐMST (Giảm thuế, trích lập quỹ PT KH&CN, hỗ trợ tài chính thông qua giảm lãi suất tiền vay, giảm thuế…);

2. Tín dụng (Các hỗ trợ, tài trợ liên quan đến khoản vay…);

3. Tư vấn kỹ thuật (từ các chuyên gia, các nhà khoa học từ các tổ chức công lập; từ các tổ chức nghiên cứu, các trường đại học công lập…);

4. Thực hiện các dự án (Nhiệm vụ, Chương trình KH&CN; Chương trình IPP…);

5. Hình thức hỗ trợ khác (ghi rõ):…

Nếu chọn "**Không**" tiếp tục tích "✓" vào 1 trong các ô a, b, c, d, e tương ứng với các lý do sau:

a. Chưa biết về các hình thức hỗ trợ này từ Nhà nước

b. Các hình thức hỗ trợ không có liên quan đến các nhu cầu của doanh nghiệp

c. Doanh nghiệp không biết đầu mối để kết nối với các hình thức hỗ trợ

d. Quy trình xét duyệt hỗ trợ trợ rất phức tạp

e. Doanh nghiệp không đủ năng lực kỹ thuật để có thể xin hỗ trợ.

Mục VI: Vốn cho ĐMST

26. Vốn đầu tư cho hoạt động ĐMST được huy động từ đâu trong năm 2021

Tích "✓" vào tất cả các đáp án trả lời phù hợp.

Mục VII: Hợp tác ĐMST

27. Trong năm 2021, doanh nghiệp có hợp tác với tổ chức khác để thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo không?

Hợp tác về đổi mới sáng tạo là hoạt động tham gia cùng các doanh nghiệp hoặc các tổ chức không kinh doanh khác trong các hoạt động đổi mới sáng tạo. Trong sự hợp tác này cả hai bên đều chưa tính cụ thể đến lợi ích thương mại. Đánh dấu *"✓"* vào ô "Có" hoặc "Không" phù hợp.

28. Đánh giá mức độ quan trọng của từng nhóm đối tác dưới đây trong các hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong năm 2021?

Mỗi dòng tích tích "✓" vào 01 đáp án trả lời phù hợp.

Các đối tác đó là:

- Nhà cung cấp thiết bị, nguyên vật liệu thô, đầu vào trung gian, hoặc phần mềm;

- Khách hàng;

- Đối thủ cạnh tranh hoặc doanh nghiệp khác cùng ngành;

- Các trường đại học, cao đẳng;

- Các viện nghiên cứu công lập;

- Nhà tư vấn, phòng thí nghiệm, hoặc tổ chức NC&PT ngoài nhà nước.

Mục VIII: Nguồn thông tin cho ĐMST

29. Trong năm 2021, hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp xuất phát từ nguồn thông tin nào sau đây (đánh giá theo mức quan trọng của nguồn thông tin)?

(Ứng với mỗi Nguồn thông tin chỉ tích "✓" vào 01 đáp án trả lời phù hợp):

- Nguồn thông tin "Nội bộ": là những thông tin từ trong doanh nghiệp hoặc từ tập đoàn/tổng công ty.

- Nguồn thông tin "Thị trường": là những thông tin từ nhà cung cấp thiết bị, nguyên vật liệu thô, đầu vào trung gian; từ khách hàng; từ đối thủ cạnh tranh hoặc doanh nghiệp khác cùng ngành; hoặc từ các nhà tư vấn, phòng Lab thương mại, hoặc tổ chức NC&PT ngoài nhà nước

- Nguồn thông tin "Tổ chức": là những thông tin từ các cơ sở giáo dục đại học hoặc các tổ chức nghiên cứu công lập

- Nguồn thông tin "Khác": là những thông tin từ Techmart, hội nghị, hội chợ, triển lãm…; khai thác từ cac tạp chí khoa học và các xuất bản thương mại/kỹ thuật; từ các hội chuyên ngành.

Mục IX: Thực hiện quyền sở hữu công nghiệp

30. Đơn đăng ký và văn bằng được cấp theo đối tượng sở hữu công nghiệp trong năm 2021

Ghi số lượng đơn đăng ký và văn bằng được cấp vào ô tương ứng đối với các sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, bản quyền đã đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp.